TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH V**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH V

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Mạnh Tuấn

Ông Lê Trung.

- ***Thư ký phiên toà:*** bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quang C, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn X, xã T, huyện S, tỉnh V, có mặt.

Bị đơn: Chị Đặng Thúy H, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn X, xã T, huyện S, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05/6/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Trần Quang C trình bày:

Anh và chị H kết hôn với nhau ngày 31/12/1999, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh V. Sau khi cưới, chị Hồng về gia đình anh chung sống và làm dâu, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận

hạnh phúc. Năm 2003, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do từ khi chị H đi xuất khẩu lao động, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đến đầu năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi, chửi nhau, trong cuộc sống thường ngày không ai quan tâm nói chuyện với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Mạnh Qu, sinh năm 2001, hiện nay cháu đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Đặng Thúy H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 13/6/2023, chị H trình bày: Chị cũng xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như anh C trình bày là đúng. Năm 2023 vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm ngày càng rạn nứt, đời sống hôn nhân không đạt được, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Nay anh C xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con là cháu Trần Mạnh Qu, sinh năm 2001, hiện nay cháu đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho anh C được ly hôn chị H. Về con chung: Anh C và chị H xác định vợ chồng có 01 con chung hiện nay đã trưởng thành không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do anh C và chị H không đề nghị nên không xem xét. Về án phí, anh C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Trần Quang C và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn là chị Đặng Thúy H có địa chỉ tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với chị H là bị đơn mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị đã có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[2] Nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Quang C và chị Đặng Thúy H là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau nên từ đó dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Vợ chồng sống chung nhưng không ai nói chuyện hay quan tâm đến nhau.

Xét tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân chị H cũng đồng ý ly hôn với anh C. Do vậy, đề nghị của anh C xin ly hôn chị H là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Con chung: anh C và chị H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Mạnh Qu, sinh năm 2001, hiện nay cháu đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: anh C và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: anh Trần Quang C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: cho anh Trần Quang C và chị Đặng Thúy H được ly hôn.

Con chung, Tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: anh C và chị H không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Quang C phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0000780 ngày 07/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S. Anh C đã nộp đủ án phí.

Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc được niêm yết tại UBND nơi chị H cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS S;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp